

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST  
Ngày: 31-7-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hoá, vật liệu xây dựng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Múth Sô Ny; ông Nguyễn Huy Cường.

*Thư ký phiên tòa:* bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa:***  
bà Bùi Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2024/TLST-KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2024 “Tranh chấp hợp đồng mua bán, vật liệu xây dựng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M (gọi tắt Công Ty M1); địa chỉ: T, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. *Người đại diện theo pháp luật:* bà Trịnh Thị Mỹ T – Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Châu Thế T1 – Chức vụ: nhân viên; nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo giấy uỷ quyền ngày 03/01/2024;

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (gọi tắt Công ty V); địa chỉ: ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. *Người đại diện theo pháp luật:* bà Phạm Thị Kim P, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

*Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Châu Thế T1 có mặt; người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Phạm Thị Kim P vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện ngày 12/03/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo uỷ quyền của nguyên ông Châu Thế T1 trình bày:* Từ năm 2020 đến năm 2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành

viên M có mua bán vật liệu xây dựng với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V1 bà Phạm Thị Kim P đại diện, mặt hàng giao là xi măng nhiều đợt có theo dõi trên sổ sách, ngày 28/11/2022 kết sổ số tiền nợ 91.120.000 đồng, đã trả được 63.120.000 đồng. Đến ngày 08/09/2023 các bên lập thư đối chiếu công nợ do bà Phạm Thị Kim P ký tên xác nhận còn nợ số tiền 28.000.000 đồng.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Châu Thế T1 yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V1 bà Phạm Thị Kim P đại diện trả ngay số tiền mua vật liệu xây, xi măng còn nợ là 28.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu không tính lãi suất số tiền chậm trả đối với bị đơn.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà:* Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V1 bà Phạm Thị Kim P đại diện đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 317, 319 Luật Thương mại năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Các tài liệu, chứng cứ Toà án thu thập:* Văn bản số 60/ĐKKD ngày 05/6/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh A cung cấp thông tin tình trạng pháp lý: đang hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V; bản sao hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng Nguyễn Dương do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh V1 cung cấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M khởi kiện đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V, có trụ sở tại ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V, do bà Phạm Thị Kim P đại diện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử.

- Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M (do bà Trịnh Thị Mỹ T đại diện) hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, xi măng với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (do bà Phạm Thị Kim P đại diện), giữa các bên là doanh nghiệp đều có đăng ký kinh doanh và nhằm mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định khoản 8 điều 3 Luật thương mại năm 2005.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng mua bán: Theo yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, từ năm 2020 đến năm 2022, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M (do bà Trịnh Thị Mỹ T đại diện) có thoả thuận mua bán vật liệu xây dựng, xi măng với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (do bà Phạm Thị Kim P đại diện), ngày 28/11/2022 kết sổ số tiền nợ 91.120.000 đồng, Công ty V đã trả được 63.120.000 đồng, đến ngày 08/09/2023 các bên lập thư đối chiếu công nợ do bà Phạm Thị Kim P ký tên xác nhận còn nợ số tiền 28.000.000 đồng.

Theo văn bản số 60/ĐKKD ngày 05/6/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh A “cung cấp thông tin tình trạng pháp lý: đang hoạt động” của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V, có địa chỉ trụ sở tại ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; đồng thời người đại diện theo pháp luật bà Phạm Thị Kim P, cư trú tại ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Như vậy, từ khi thụ lý cho đến xét xử thì Công ty V còn đang hoạt động theo địa chỉ đăng ký và người đại diện bà P vẫn có mặt tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến phản đối, đưa ra tài liệu khác chứng minh hoặc phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn về hợp đồng mua bán này.

Tại tài liệu do nguyên đơn cung cấp bản gốc thư đối chiếu công nợ do bà Phạm Thị Kim P đại diện Công ty V ký tên xác nhận còn nợ số tiền 28.000.000 đồng. Xét, về giao dịch này các bên có thể thực hiện bằng thoả thuận, không quy định bắt buộc về hình thức, việc giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên đều có tư cách pháp nhân, đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, do đó có cơ sở xác định hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, xi măng giữa Công ty M1 với Công ty V, là có thật.

Tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 quy định về thanh toán: “1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận; 2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật; 3. Bên mua vẫn phải thanh toán tiền mua hàng trong trường hợp hàng hoá mất mát, hư hỏng sau thời điểm rủi ro được chuyển từ bên bán sang bên mua, trừ trường hợp mất mát, hư hỏng do lỗi của bên bán gây ra.”

Như vậy, theo ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì còn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại thư đòi chiếu công nợ ghi ngày 08/9/2023 do bà Phạm Thị Kim P đại diện Công ty V ký tên xác nhận. Đây là chứng cứ khách quan, nên có cơ sở xác định Công ty V còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng, xi măng của nguyên đơn là 28.000.000 đồng, vì vậy bị đơn có trách nhiệm trả số tiền này là phù hợp.

[2.2] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu về tính lãi suất. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu là thuộc phạm vi khởi kiện, do đó đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này là phù hợp quy định pháp luật.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Điều 24, 50, 55, 317, 319 Luật Thương mại năm 2015;
- Điều 147, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M (do bà Trịnh Thị Mỹ T, đại diện theo pháp luật) đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (do bà Phạm Thị Kim P, đại diện theo pháp luật).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (do bà Phạm Thị Kim P, đại diện theo pháp luật) có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M (do bà Trịnh Thị Mỹ T, đại diện theo pháp luật) tiền mua vật liệu xây dựng, xi măng số tiền là 28.000.000đ (*hai mươi tám triệu đồng*).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu tính lãi suất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (do bà Phạm Thị Kim P, đại diện theo pháp luật) phải chịu 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) tiền án phí.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M (do bà Trịnh Thị Mỹ T, đại diện theo pháp luật) được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 700.000đ (*bảy trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0010668 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung một số điều; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx. Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Ngọc Mỹ**